

Quan điểm, giải pháp phát triển khu vực kinh tế tư nhân trong kỷ nguyên mới

Vũ Hùng Cường^(*)

Tóm tắt: Kể từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (năm 2017), khu vực kinh tế tư nhân ngày càng thể hiện được vai trò đóng góp quan trọng đối với tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế Việt Nam dưới các góc độ đóng góp vào tăng trưởng GDP, đầu tư toàn xã hội, tạo việc làm. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều rào cản cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân cả từ cơ chế, chính sách lẫn sự yếu kém nội tại của bản thân khu vực này. Bài viết khái quát về vai trò và đóng góp của khu vực kinh tế tư nhân, những rào cản, tồn tại và hạn chế cản trở sự phát triển của khu vực này thời gian qua, từ đó đề xuất quan điểm và giải pháp chủ yếu phát triển khu vực kinh tế tư nhân, triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, để khu vực kinh tế tư nhân thực sự phát huy được vai trò động lực quan trọng nhất đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, Khu vực kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 68, Động lực phát triển, Việt Nam

Abstract: Since the 12th Central Executive Committee issued Resolution No. 10-NQ/TW on developing the private economy into an important driving force of the socialist-oriented market economy (in 2017), the private sector has increasingly contributed to the growth and development of the Vietnamese economy in terms of GDP growth, social investment, and job creation. However, barriers from policy mechanisms and internal weaknesses have hindered the development of the private sector. The article outlines the roles and contributions of the private economic sector, the barriers, shortcomings and limitations that have hindered its development in recent times, thereby proposing key viewpoints and solutions to foster the private sector, implementation of Resolution No. 68-NQ/TW dated May 4, 2025 of the Politburo on private economic development, so that it can be truly promoted as the most important driving force for national economic growth and development in the new era.

Keywords: Private Economy, Private Sector, Resolution No. 68, Driving Force, Vietnam

Ngày nhận bài: 29/4/2025; Ngày duyệt đăng: 30/6/2025

^(*)PGS.TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: vuhungcuong07@gmail.com

1. Mở đầu

Quá trình 40 năm Đổi mới gắn liền với sự vận động trong nhận thức và tư duy của Đảng về vai trò của khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) được thể hiện rõ nét trong các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các Nghị quyết của Bộ Chính trị về KTTN, từ chỗ do dự, ngập ngừng (Đại hội VI năm 1986), mở rộng hơn phạm vi hoạt động (Đại hội VII năm 1991), nâng dần sự khuyến khích phát triển (Đại hội VIII năm 1996 và Đại hội IX năm 2001), cho đến có những bước tiến mạnh mẽ trong tạo điều kiện phát triển KTTN (Đại hội X năm 2006), từng bước nâng cao vị thế và vai trò của KTTN, “phát triển kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế” (Đại hội XI năm 2011), “trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế” (Đại hội XII năm 2016, Đại hội XIII năm 2021, Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2016: 185-187), và gần đây nhất là “một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng...” (Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển KTTN). Tiến trình thay đổi quan điểm, tư duy của Đảng về vai trò của khu vực KTTN đã góp phần làm thay đổi cách nhìn nhận của hệ thống chính trị và xã hội về KTTN, từng bước cởi trói cơ chế, chính sách, xóa dần những rào cản về phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh đối với khu vực KTTN, giúp các doanh nghiệp khu vực KTTN phát triển nở rộ, bao phủ hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, hình thành được nhiều tập đoàn KTTN có đủ năng lực

cạnh tranh trên trường quốc tế. Tuy nhiên, để khu vực KTTN thực sự phát huy được vai trò là một động lực quan trọng nhất theo tinh thần của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển KTTN, xây dựng nền kinh tế Việt Nam thịnh vượng trong kỷ nguyên vươn mình, thì còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết.

2. Khái quát về sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân thời gian qua

2.1. Vai trò và những đóng góp chính của khu vực kinh tế tư nhân đối với tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế Việt Nam thời gian qua

Doanh nghiệp khu vực KTTN đa số có quy mô vừa, nhỏ và siêu nhỏ, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế (khoảng 940.000 doanh nghiệp đang hoạt động, chiếm 98%), cùng với hệ thống hộ kinh doanh cá thể (khoảng hơn 5 triệu hộ) (Tô Lâm, 2025), hoạt động bao phủ hầu khắp các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế, bước đầu đáp ứng được vai trò động lực đẩy, tạo nền móng nâng đỡ sự phát triển của nền kinh tế. Doanh nghiệp khu vực này hiện đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% thu ngân sách nhà nước, gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội, tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế (Tô Lâm, 2025).

Khu vực KTTN đã hình thành được lực lượng các tập đoàn lớn như Vingroup, SunGroup, Massan, Hòa Phát, Vietjet, TH, T&T, Thaco,... có tích lũy vốn lớn, có trình độ cao về công nghệ và quản trị doanh nghiệp, có tầm nhìn đẳng cấp khu vực, đã khẳng định được thương hiệu và uy tín ở trong nước và quốc tế, đủ khả năng đảm trách vai trò động lực kéo, cực tăng trưởng dẫn dắt và lan tỏa phát triển theo địa phương, vùng và ngành kinh tế.

Với sự năng động trong tham gia thị trường, phạm vi hoạt động rộng khắp các

lĩnh vực của nền kinh tế, vai trò đóng góp đối với sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế ngày càng nâng cao, khu vực KTTN thúc đẩy cải cách hành chính, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, tạo sức ép nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước.

2.2. Những rào cản, tồn tại, hạn chế cơ bản cản trở sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân

i) Những rào cản từ thể chế, cơ chế chính sách

Những rào cản nhận thức và tư duy về vai trò của khu vực KTTN trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khiến các chính sách được hoạch định còn có sự bất bình đẳng, có phần thiên vị cho khu vực kinh tế nhà nước (KTNN) trong tiếp cận các nguồn lực phát triển như tín dụng, đất đai, tài nguyên, thông tin, cũng như có sự khác biệt với khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các chính sách thuế, thủ tục hải quan.

Hệ thống pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều bất cập, chồng chéo. Thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, tiềm ẩn rủi ro, cùng với những chi phí phi chính thức do sự lạm quyền của một bộ phận cán bộ công chức trong thực thi công vụ, gây nhiều trở ngại trong đăng ký kinh doanh, trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và mong muốn mở rộng quy mô của các doanh nghiệp khu vực KTTN.

Các chính sách tín dụng, hình thành các quỹ tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) về vốn nhằm mở rộng quy mô, khuyến khích đầu tư theo một số định hướng ngành, lĩnh vực, đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo,... đều có những quy định bổ sung, quy định “bất thành văn” khiến chính sách khó triển khai được trong

thực tế, DNNVV khó tiếp cận nguồn vốn tín dụng đúng theo nhu cầu. Trong khi, một số doanh nghiệp khu vực KTTN có thể tiếp cận các nguồn vốn từ các ngân hàng quốc tế đang hoạt động ở Việt Nam thuận lợi hơn cả về thủ tục và lượng vốn được vay.

Trong thiết kế đề bài các gói thầu của các dự án đầu tư công vẫn còn những rào cản kỹ thuật, chẳng hạn như rào cản về năng lực doanh nghiệp và kinh nghiệm hoạt động, khiến khu vực KTTN khó tham gia các gói thầu những công trình quan trọng.

ii) Những tồn tại, hạn chế nội tại

Nhiều doanh nghiệp khu vực KTTN còn thiếu chiến lược đầu tư, kinh doanh dài hạn, thiếu động lực phát triển; văn hóa kinh doanh ngắn hạn, chộp giật, cạnh tranh không lành mạnh vẫn còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ DNNVV.

Đa số doanh nghiệp khu vực KTTN hạn chế về quy mô, chủ yếu doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, có nguy cơ ngày càng thu hẹp, dẫn đến hạn chế về công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới mô hình quản trị, kinh doanh và năng lực cạnh tranh.

Đa số doanh nghiệp khu vực KTTN hạn chế về năng lực quản trị doanh nghiệp, năng lực liên kết; còn thiếu tự tin trong kết nối với các doanh nghiệp FDI do hạn chế về công nghệ.

Đa số các hộ kinh doanh cá thể thiếu động lực chuyển đổi thành doanh nghiệp do e ngại về những thủ tục hành chính, tài chính phức tạp.

3. Quan điểm, kiến nghị giải pháp chủ yếu để khu vực kinh tế tư nhân phát huy được vai trò là động lực quan trọng nhất nhằm đưa Việt Nam trở thành quốc gia thịnh vượng trong kỷ nguyên mới

3.1. Quan điểm

i) Khu vực KTTN phải là lực lượng tiên phong, liên kết hiệu quả với khu vực

KTNN và khu vực FDI để đảm bảo các mục tiêu phát triển về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện trách nhiệm xã hội và môi trường, góp phần nâng cao đời sống và hạnh phúc của nhân dân, tham gia xây dựng xã hội văn minh, hiện đại.

ii) Khu vực KTTN là động lực quan trọng nhất đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, cùng với khu vực KTNN và kinh tế tập thể đảm bảo xây dựng nền kinh tế Việt Nam năng động, độc lập, tự chủ, tự cường và phát triển thịnh vượng trong kỷ nguyên mới.

iii) Sự phát triển của doanh nghiệp khu vực KTTN là thước đo trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường, mức độ cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế của nền kinh tế.

iv) Cần thay đổi nhận thức, tư duy, hành động của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với khu vực KTTN, tập trung xóa bỏ các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách, khắc phục các yếu kém nội tại để khu vực KTTN hình thành thêm nhiều tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp mở rộng quy mô, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy được vai trò là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

v) Chuyển đổi số, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là các yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và khả năng thực hiện vai trò là động lực quan trọng nhất của doanh nghiệp khu vực KTTN trong kỷ nguyên mới.

3.2. Kiến nghị giải pháp đối với Đảng, Chính phủ, các Bộ ngành, chính quyền địa phương và Hiệp hội ngành nghề

i) Tăng cường tuyên truyền, thống nhất tư duy, nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và xã hội để khu vực

KTTN phát huy được vai trò là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế

Để thực sự “cởi trói” cách nhìn nhận của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với khu vực KTTN, Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng cần nhấn mạnh vai trò của khu vực KTTN là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; Chính phủ, các Bộ ngành, chính quyền địa phương cần ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68; Đảng bộ các cấp cần tổ chức học tập Nghị quyết số 68 để thống nhất quan điểm, nhận thức và hành động. Thực tiễn cho thấy, sau khi Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển KTTN trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực KTTN đã có những phát triển bứt phá cả về bề rộng và chiều sâu, có đóng góp ngày càng chất lượng trong các chỉ tiêu phát triển quốc gia. Việc xác định khu vực KTTN là động lực quan trọng nhất của nền kinh tế là sự đột phá về thay đổi tư duy kịp thời trong kỷ nguyên mới và phù hợp với xu hướng quốc tế. Nghị quyết số 68 sẽ là căn cứ để Chính phủ ban hành Đề án phát triển doanh nghiệp khu vực KTTN trong kỷ nguyên mới; các Bộ ngành, chính quyền địa phương có định hướng điều chỉnh, ban hành các văn bản pháp luật, xác lập các cơ chế chính sách mới thông thoáng cho khu vực KTTN.

ii) *Tiếp tục rà soát, hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh bình đẳng, công bằng, thuận lợi; kiên quyết xóa bỏ triệt để các loại giấy phép con, loại bỏ triệt để sự chồng chéo, bất cập, mâu thuẫn trong các văn bản quy định thuộc các ngành, lĩnh vực khác nhau, để khu vực KTTN được thuận lợi phát triển, mở rộng quy mô, hình*

thành nhiều tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp lớn, các DNNVV được giải phóng toàn bộ sức sản xuất, thuận lợi tiếp cận và tham gia vào tất cả các ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không cấm

Thực tế cho thấy, thời gian qua, trong các quy định liên quan đến môi trường đầu tư, kinh doanh, các giấy phép con theo từng ngành, lĩnh vực vẫn có những chồng chéo, bất cập, mâu thuẫn và cản trở việc mở rộng quy mô, phạm vi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp khu vực KTTN. Chính phủ cần thành lập tổ liên ngành gồm các Bộ ngành để rà soát các văn bản pháp lý có những quy định liên quan đến KTTN, từ đó sửa đổi đồng bộ, thống nhất, phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 68. Trong Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68 của các Bộ ngành, chính quyền địa phương, nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến KTTN cần được xác định là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Các doanh nghiệp khu vực KTTN cần được đối xử bình đẳng và được hỗ trợ trong tiếp cận các nguồn lực phát triển, đặc biệt là đất đai, tài nguyên, tín dụng và thông tin về công nghệ, đối tác, thị trường (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2021: 296-303). Các khu đất vàng cần thu hút được các nhà đầu tư “đại bàng” để hình thành các công trình kinh tế là cực tăng trưởng, có giá trị lan tỏa phát triển. Các trụ sở cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan công quyền dời dư sau khi thực hiện sáp nhập cần được tổ chức đấu giá quyền sử dụng để khu vực KTTN khai thác hiệu quả hơn. Các thủ tục vay vốn và hạn mức được vay cần được đơn giản, thông thoáng, bình đẳng giữa doanh nghiệp khu vực KTTN và KTN; quy định của các ngân hàng thương mại

trong nước phải phù hợp với xu thế chung, tránh việc quá chặt chẽ, phức tạp hơn các ngân hàng thương mại quốc tế, dẫn đến tình trạng các doanh nghiệp khu vực KTTN có năng lực sản xuất kinh doanh tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại quốc tế thấy thuận lợi và đáp ứng nhu cầu tốt hơn so với các ngân hàng thương mại trong nước. Việc này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khu vực KTTN mở rộng quy mô, hình thành thêm nhiều tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn, nâng tầm các doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ lên quy mô vừa, đầu tư đổi mới công nghệ, quản trị và chuyển đổi số, nâng cao năng lực liên kết, cạnh tranh và hội nhập. Các Bộ ngành, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu số lớn, có độ mở cao để tạo sự minh bạch và thuận lợi trong tiếp cận thông tin, tránh cạnh tranh không lành mạnh dựa trên thông tin. Các gói thầu thuộc các dự án đầu tư công cần được công khai thông tin, xóa bỏ các rào cản kỹ thuật trong thiết kế đề bài gói thầu gây ra cạnh tranh không lành mạnh, để khu vực KTTN có thể dễ dàng tiếp cận, tham gia các gói thầu dự án đầu tư công.

iii) Ban hành các chính sách khả thi, hiệu quả hỗ trợ phát triển DNNVV; trong từng giai đoạn, cần ban hành các chính sách để có tác động tức thì, hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp khu vực KTTN

Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ ngành, chính quyền địa phương rà soát, điều chỉnh, ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV có tính khả thi và hiệu quả, tránh mỗi cấp, mỗi chủ thể quản lý lĩnh vực lại ban hành bổ sung các loại quy định, giấy phép con làm cản trở chủ trương, chính sách đi vào thực tiễn, các DNNVV khó tiếp

cận và thụ hưởng chính sách hỗ trợ. Các chính sách hỗ trợ cần tập trung vào công nghệ, tài chính, đào tạo nhân lực và quản trị, thông tin về thị trường, đối tác, công nghệ. Cần nghiên cứu kinh nghiệm của Đài Loan trong ban hành các chính sách hỗ trợ DNNVV đồng bộ, cụ thể, tập trung vào hỗ trợ khởi nghiệp, hỗ trợ vốn, bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ kỹ thuật để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, hỗ trợ tiếp cận đối tác, công nghệ, thị trường,... (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2016: 333-334).

Bên cạnh xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh và hệ thống thể chế có tính dài hạn, để đoán định, Chính phủ cần chỉ đạo các Bộ ngành, chính quyền địa phương nghiên cứu, ban hành các chính sách ngắn hạn, có hiệu lực tức thì, gắn với mục tiêu phát triển của từng thời kỳ, để phát huy ngay lập tức vai trò của khu vực KTTN với thế mạnh nhanh nhạy và dễ điều chỉnh. Cần nghiên cứu kinh nghiệm của Nhật Bản trong xây dựng các nhóm thể chế, chính sách cụ thể, có tính chuyên môn sâu theo từng ngành, lĩnh vực chủ trọng trong từng thời kỳ; kinh nghiệm của Hàn Quốc, Đài Loan trong xây dựng thể chế, chính sách giới hạn các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn hoạt động theo phương thức khép kín trong quan hệ giữa công ty mẹ - công ty con; giới hạn các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn hoạt động trong các công đoạn, lĩnh vực mà DNNVV có khả năng đảm đương được để tạo không gian phát triển cho các DNNVV, tạo cơ hội cho DNNVV tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi cung ứng (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2016: 328).

iv) Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy định về tài chính doanh nghiệp để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp

Bộ Tài chính và chính quyền các địa phương cần xóa bỏ cơ chế khoán thuế đối với hộ kinh doanh cá thể, tạo sức ép cho hộ kinh doanh cá thể “phải lớn”, phải chuyển đổi thành doanh nghiệp để nâng tầm nhìn, cải thiện văn hóa kinh doanh, minh bạch hơn trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Việc đổi mới, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tài chính đối với doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, xóa bỏ cơ chế khoán thuế đối với hộ kinh doanh cá thể là cú hích thúc đẩy sự vươn lên của các hộ kinh doanh cá thể, hình thành thêm các doanh nghiệp có phạm vi hoạt động rộng khắp ở hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế, tăng cường lực lượng doanh nghiệp khu vực KTTN.

v) Hình thành môi trường và không gian liên kết kinh tế, phát huy vai trò, vị thế của các Hiệp hội ngành nghề, với sự tham gia dẫn dắt của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp “đại bàng” để nâng cao khả năng liên kết của các DNNVV

Để thúc đẩy liên kết giữa các DNNVV với các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI, cần đầu tư hình thành và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có tính chuyên môn hóa sâu, thích ứng với mô hình kinh tế tuần hoàn để tạo không gian liên kết kinh tế cho các DNNVV tham gia liên kết cả theo chiều dọc và chiều ngang (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2016: 338). Cần sử dụng vốn nhà nước để “đầu tư môi”, thu hút sự tham gia của đầu tư tư nhân theo phương thức công - tư trong đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng chuyển đổi, phát triển mới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng chuyên môn hóa sâu theo ngành, lĩnh vực thích ứng với mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm chi phí đầu tư hạ tầng xử lý nước thải, chất thải của

các doanh nghiệp sản xuất, nâng cao tính tuần hoàn trong liên kết dọc trong cùng ngành, nhất là các ngành chế biến gỗ, nhựa, nông - thủy sản.

Các Hiệp hội ngành nghề cần được củng cố, với sự tham gia sâu hơn của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp “đại bàng” trong dẫn dắt công nghệ, lan tỏa phát triển, qua đó kiến tạo được môi trường liên kết giữa các DNNVV trong cùng ngành, lĩnh vực, gia tăng liên kết giữa DNNVV với các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn để mở rộng mạng sản xuất và nâng tầm chuỗi cung ứng. Đồng thời, các Hiệp hội ngành nghề cũng cần phát huy tư cách pháp nhân trong mở rộng đối tác quốc tế, bảo lãnh tín dụng cho gói vay của các DNNVV, tổ chức các hội nghị đối tác, thị trường, công nghệ, tập huấn nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp.

3.3. Kiến nghị giải pháp đối với các doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh cá thể

i) Doanh nghiệp khu vực KTTN cần xây dựng chiến lược đầu tư, kinh doanh đảm bảo tính dài hạn, cần chủ động liên kết và hội nhập dựa trên ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó, chú trọng kết nối với các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhà nước, các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn để tham gia được vào mạng sản xuất và chuỗi cung ứng.

ii) Doanh nghiệp khu vực KTTN cần đổi mới văn hóa kinh doanh, xóa bỏ triết đề tư duy kinh doanh chộp giật, ngắn hạn, cạnh tranh không lành mạnh để hướng tới nâng cao uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp và niềm tin của xã hội; chú trọng chuyển đổi số, đầu tư hiện đại hóa quản trị doanh nghiệp dựa trên chuyển đổi số để hình thành quan hệ kinh doanh văn minh, hiện đại.

iii) Các DNNVV cần nghiên cứu, lựa chọn thị trường ngách để đầu tư công nghệ, xác lập vị thế trong một số công đoạn của chuỗi cung ứng và mạng sản xuất, từ đó từng bước tham gia sâu vào chuỗi cung ứng và mạng sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, liên kết và hội nhập của doanh nghiệp, trong đó, kinh nghiệm phát triển các DNNVV của Đài Loan là rất có giá trị tham khảo (Xem thêm: Vũ Hùng Cường, 2016: 97-102; Vũ Hùng Cường, 2021: 303-304).

iv) Các doanh nghiệp khu vực KTTN cần có chiến lược thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, cải thiện nguồn nhân lực quản trị, chuyên môn, đặc biệt là cần có chiến lược thu hút nhân tài từ nguồn cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý xin nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ khi cơ quan, đơn vị thực hiện sáp nhập, tinh gọn bộ máy.

v) Các hộ kinh doanh cá thể cần mạnh dạn chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp để nâng tầm nhìn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; thụ hưởng tác động tích cực của môi trường đầu tư, kinh doanh chung, các cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khu vực KTTN, giảm được các chi phí phi chính thức. Từ vị thế kinh doanh mới có tính ổn định và dài hạn hơn để thay đổi tầm nhìn, văn hóa kinh doanh, đóng góp tốt hơn vào sự lớn mạnh và vai trò là động lực quan trọng nhất của khu vực KTTN.

4. Kết luận

KTTN đang ngày càng khẳng định vai trò là một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam qua 40 năm Đổi mới. Tuy nhiên, để hướng tới một nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, năng động, năng lực cạnh tranh cao, chủ

động hội nhập quốc tế, khu vực KTTN cần có bước chuyển mình mạnh mẽ để nâng cao vị thế, nâng cao chất lượng đóng góp vào tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế và hội nhập quốc tế. Khắc phục các yếu kém nội tại của doanh nghiệp khu vực KTTN là điều kiện cần, nâng cao hiệu quả can thiệp của Nhà nước với vai trò kiến tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, có các chính sách hỗ trợ DNNVV phát triển là điều kiện đủ để nâng cao chất lượng lực lượng doanh nghiệp khu vực KTTN. Chỉ có triển khai đồng bộ, hài hòa các giải pháp để giải quyết các điều kiện cần, điều kiện đủ này, nhất là các giải pháp toàn diện được đề ra trong Nghị quyết số 68, thì khu vực KTTN mới thực sự phát huy được vai trò là động lực quan trọng nhất, là lực lượng tiên phong đưa Việt Nam trở thành quốc gia thịnh vượng trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc □

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW* ngày

04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

2. Vũ Hùng Cường (2016), *Kinh tế tư nhân - một động lực cơ bản cho phát triển* (Sách chuyên khảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Vũ Hùng Cường (2021), *Phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới* (Sách chuyên khảo), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng* lần thứ VI (năm 1986), VII (năm 1991), VIII (năm 1996), IX (năm 2001), X (năm 2006), XI (năm 2011), XII (năm 2016), XIII (năm 2021).
5. Tô Lâm (2025), “Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng”, *Chính sách & Cuộc sống* - Chuyên trang Thông tin của TTXVN ngày 17/3, <https://chinhhsachcuocsong.vn/vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-mot-viet-nam-thinh-vuong-phan-i/57473.html>